

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lại Thị Lâm;
- Bà Nguyễn Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thào Thị S, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vàng A R, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thào Thị S trình bày:

Chị và anh Vàng A R đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 28-10-2019 tại UBND xã Pá Hu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái, chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do 02 năm gần đây anh R nghiện ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chịu khó lao động, gia đình có tài sản gì là bán đi để sử dụng ma túy, chị S đã khuyên bảo anh R bỏ ma túy, nhưng anh R không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh R đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vàng A R.

Về con chung: Chị và anh Chi S có 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng để anh R được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A C và Vàng Thị S, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh R tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vàng A R trình bày:

Về việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị S trình bày, còn về mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghiện ma túy nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị S không còn muốn chung sống với anh nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không nhất trí ly hôn, anh sẽ tự cai nghiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung anh và chị S có 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019. Nếu buộc phải ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A C và Vàng Thị S, anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Vàng A C trình bày: Cháu đang học lớp 2 Trường dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở P, cháu đi học cả tuần ở trường đến thứ 7 và chủ nhật mới được về nhà với gia đình, hiện bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, cháu đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về đoàn tụ, vì cháu muốn được sống cùng cả bố và mẹ, nếu bố mẹ không thể chung sống được với nhau nữa mà ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố để thuận tiện cho việc học của cháu.

Tại biên bản xác minh tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; ông Sùng A T là Trưởng thôn cho biết: Chị Thào Thị S và anh Vàng A R kết hôn tại UBND xã Pá Hu vào năm 2019 quá trình chung sống giữa chị S và anh R đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh R nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên

cãi, chửi nhau. Chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện T từ tháng 4 năm 2024 đến nay.

Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Chị S và anh R có 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019. Hiện nay cháu Vàng A C và Vàng Thị S đang theo học tại trường bán trú tiểu học và trung học cơ sở P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Anh R nghiện ma túy, nhưng vẫn tham gia lao động sản xuất tại nơi cư trú, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4 năm 2024 đến nay và hiện chị S đã đi làm công nhân xa, thường xuyên vắng nhà. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và chăm sóc hai cháu Vàng A C và Vàng Thị S, đề nghị Tòa án xem xét giao hai cháu C và S cho anh R nuôi dưỡng; Ban mặt trận thôn sẽ tiếp tục động viên, vận động anh R cai nghiện.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Chị Thảo Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn; anh Vàng A R không nhất trí ly hôn, anh sẽ tự cai nghiện, đề nghị chị S về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái; về con chung chị S và anh R cùng thống nhất có 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019 và thỏa thuận nếu ly hôn giao cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A C và Vàng Thị S, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung chị S và anh R cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt: Chị Thảo Thị S và anh Vàng A R vẫn giữ nguyên các nội dung đã trình bày trong các biên bản đã khai và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Thảo Thị S, cho chị Thảo Thị S ly hôn với anh Vàng A R.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; giao cho anh Vàng A R trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019. Chị Thảo Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Về thẩm quyền: Bị đơn anh Vàng A R có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tố tụng: Sau khi chị S có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị S, anh R có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Thào Thị S khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Vàng A R và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị S và Vàng A R kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pá Hu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào năm 2019. Việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị S và anh R sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh R nghiện ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chịu khó lao động, gia đình có tài sản gì là bán đi để sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau; chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4 năm 2024 đến nay và hiện chị S đã đi làm công nhân xa, thường xuyên vắng mặt nhà, vợ chồng không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị S và anh R đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị S đề nghị được ly hôn anh R là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Thào Thị S và anh Vàng A R có 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ tháng 4 năm 2024 khi chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con Vàng A C và Vàng Thị S do anh R trực tiếp thực hiện, con

chung vẫn được anh R chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ; theo biên bản lấy lời khai cháu Vàng A C có nguyện vọng được ở cùng bố để thuận tiện cho việc học của cháu nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị Thào Thị S và anh R cùng thống nhất thỏa thuận nếu ly hôn giao cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A C và Vàng Thị S, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa về nuôi dưỡng con chung khi ly hôn giữa chị S và anh R phù hợp với lợi ích hợp pháp của các con Vàng A C và Vàng Thị S, phù hợp với nguyện vọng cháu C khi bố mẹ ly hôn; sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 4 Điều 68, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thào Thị S đối với Vàng A R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thào Thị S được ly hôn Vàng A R.

2. Về con chung công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị Thào Thị S và anh Vàng A R; giao 02 con chung là Vàng A C, sinh ngày 01-01-2017 và Vàng Thị S, sinh ngày 06-10-2019 cho anh Vàng A R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Thào Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Thảo Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2023/0000472 ngày 01-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tầu, tỉnh Yên Bái. Chị Thảo Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Vàng A R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tầu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tầu;
- UBND xã Pá Hu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên